



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 NĂM 2019
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 - 6
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019	7 - 8
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		705.993.557.515	978.458.591.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.619.980.272	9.925.207.327
1. Tiền	111		13.619.980.272	9.925.207.327
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		298.526.181.508	559.499.234.549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	94.077.125.819	120.237.929.379
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	155.453.006.438	389.457.447.324
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	62.617.511.433	63.425.320.028
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(13.621.462.182)	(13.621.462.182)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		386.105.032.459	408.062.051.336
1. Hàng tồn kho	141	V.8	386.668.604.963	408.625.623.840
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(563.572.504)	(563.572.504)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.742.363.276	972.097.817
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	7.742.363.276	972.097.817
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.423.764.909.843	1.475.274.704.219
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.350.024.989	13.688.871.389
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	13.350.024.989	13.688.871.389
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		969.407.194.345	1.088.072.395.165
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	938.457.684.833	1.056.806.393.345
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.427.378.233.977	2.420.531.213.185
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.488.920.549.144)	(1.363.724.819.840)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	30.949.509.512	31.266.001.820
	<i>Nguyên giá</i>	228		41.382.857.235	41.382.857.235
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.433.347.723)	(10.116.855.415)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		146.513.721.069	73.401.549.867
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	146.513.721.069	73.401.549.867
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		261.166.190.947	266.578.587.746
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	243.368.989.928	243.368.989.928
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	36.500.000.000	36.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	15.251.145.800	15.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(33.953.944.781)	(28.541.547.982)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		33.327.778.493	33.533.300.052
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	33.327.778.493	33.533.300.052
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.129.758.467.358	2.453.733.295.248

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		634.959.065.071	926.407.158.517
I. Nợ ngắn hạn		310		572.844.991.771	848.835.562.641
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.29	60.341.468.105	51.896.363.195
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	4.566.567.470	2.083.163.968
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	13.322.688.298	23.197.795.516
4.	Phải trả người lao động	314		12.681.908.496	13.700.898.107
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	6.514.490.771	46.074.424.257
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	0
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	12.332.384.229	10.347.434.640
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	431.390.212.075	669.965.972.493
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	31.695.272.327	31.569.510.465
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		62.114.073.300	77.571.595.876
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6.	Phải trả dài hạn khác	337		9.288.905.093	9.808.905.093
7.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.26	3.916.641.667	7.749.991.667
8.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	-	-
12.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.27	48.908.526.540	60.012.699.116

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.494.799.402.287	1.527.326.136.731
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.467.798.596.637	1.493.347.379.312
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.28	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.28	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	575.358.962.809	572.501.336.375
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.28	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.134.913.044	73.541.322.153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.28	20.929.010.534	50.102.276.671
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.205.902.510	23.439.045.482
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		27.000.805.650	33.978.757.419
1. Nguồn kinh phí	431	V.29	1.594.781.000	5.957.826.653
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.30	25.406.024.650	28.020.930.766
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.129.758.467.358	2.453.733.295.248

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu



Lê Thị Liên

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV - Niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04-30/06		Lũy kế từ 01/07-30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	529.971.214.634	630.314.397.688	1.386.750.724.339	1.301.455.350.759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	52.292.448		8.182.292.448	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10	VI.1	529.918.922.186	630.314.397.688	1.378.568.431.891	1.301.455.350.759
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	489.684.780.323	591.172.074.711	1.247.553.741.486	1.164.705.326.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.234.141.863	39.142.322.977	131.014.690.405	136.750.023.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.834.755.973	1.633.770.660	2.977.474.393	8.563.368.799
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.669.515.250	13.907.258.932	44.303.517.678	43.371.001.804
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.669.172.326	11.968.898.030	38.686.745.698	40.808.879.282
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9.184.084.550	14.323.448.852	30.216.758.359	31.422.446.274
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.962.888.474	11.004.935.467	27.046.445.428	38.906.684.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.252.409.562	1.540.450.386	32.425.443.333	31.613.259.722
11. Thu nhập khác	31	VI.7	27.016.243	118.100.969	584.274.452	8.737.279.954
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.024.530.261	1.383.504.123	4.767.135.006	6.109.248.454
13. Lợi nhuận khác	40		(1.997.514.018)	(1.265.403.154)	(4.182.860.554)	2.628.031.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.254.895.544	275.047.232	28.242.582.779	34.241.291.222
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	2.797.651.052	51.009.446	4.036.680.269	5.665.026.885
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.457.244.492	224.037.786	24.205.902.510	28.576.264.337

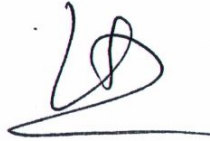
Lập ngày 29 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu



Lê Thị Liên

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.254.895.544	275.047.232
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		20.029.937.450	16.177.892.358
- Các khoản dự phòng	03			1.808.985.693
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			739.211.530
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.669.172.326	11.968.921.013
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.954.005.320	30.970.057.826
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(128.654.236.876)	(219.704.433.828)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		266.510.621.982	548.553.297.059
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(64.253.743.871)	(268.224.865.610)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.545.590.983)	3.917.276.278
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.122.291.678)	(12.964.390.195)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	4.216.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.324.482.927)	(5.834.224.611)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		111.564.280.967	80.928.716.919
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.066.380.830)	(19.894.529.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	30.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.004.967.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	-	894.559.130
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.066.380.830)	6.995.062.312

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		170.260.417.564	546.573.229.211
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(220.232.532.321)	(640.454.912.323)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.044.617.486)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.016.732.243)	(93.881.683.112)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.481.167.894	(5.957.903.881)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.138.812.378	15.730.202.648
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	13.619.980.272	9.772.298.767

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu



Lê Thị Liên

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 tức là Quý IV của Niên độ tài chính từ 01/07/2018 đến 30/06/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/07/2018 đến 30/06/2019, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	128.878.355	120.156.102
Tiền gửi ngân hàng	13.491.101.917	9.805.051.225
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>13.619.980.272</u>	<u>9.925.207.327</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư, cho vay ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>94.077.125.819</u>	<u>120.237.929.379</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	151.449.901.741	278.682.792.739
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	4.003.104.697	110.774.654.585
Cộng	<u>155.453.006.438</u>	<u>389.457.447.324</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu CNC Lam Sơn	17.671.743.386	14.909.094.974
Phải thu về tiền lãi dự thu	-	-
Phải thu của Công ty CP rượu VN-TĐ	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	11.083.066.557	10.413.910.961
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	6.000.000.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.952.000	56.952.000
Các khoản phải thu khác	25.301.689.184	23.541.301.787
Cộng	<u>62.617.511.433</u>	<u>63.425.320.028</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(13.621.462.182)	(13.621.462.182)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	17.264.823.168	54.762.742.849
Công cụ, dụng cụ	694.342.972	768.591.063
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.677.969.386	16.833.614.697
Thành phẩm	311.939.493.718	332.192.153.587
Hàng hóa	22.091.975.719	4.068.521.644
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(563.572.504)	(563.572.504)
Cộng	<u>386.105.032.459</u>	<u>408.062.051.336</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.742.363.276	972.097.817
Cộng	<u>7.742.363.276</u>	<u>972.097.817</u>

10. Phải thu dài hạn khác:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	13.350.024.989	13.688.871.389
Cộng	<u>13.350.024.989</u>	<u>13.688.871.389</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	478.404.203.918	1.868.622.268.133	51.821.000.843	21.150.350.293	533.389.998	2.420.531.213.185
Tăng trong kỳ	8.267.568.463	2.836.881.531	-	-	-	11.104.449.994
<i>Mua sắm mới</i>	<i>1.806.171.818</i>	<i>2.836.881.531</i>	-	-	-	<i>4.643.053.349</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>6.461.396.645</i>					<i>6.461.396.645</i>
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	707.701.228	2.893.144.419	-	656.583.555	-	4.257.429.202
<i>Giảm do thanh lý nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	<i>707.701.228</i>	<i>2.893.144.419</i>	-	<i>656.583.557</i>	-	<i>4.257.429.202</i>
Số cuối kỳ	485.964.071.153	1.868.566.005.245	51.821.000.843	20.493.766.738	533.389.998	2.427.378.233.977
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	239.640.766.221	1.058.977.222.773	44.314.577.828	20.466.747.405	325.505.613	1.363.724.819.840
Tăng trong kỳ	18.323.788.683	109.019.060.528	1.806.746.822	233.230.001	50.369.413	129.433.195.447
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>18.323.788.683</i>	<i>109.019.060.528</i>	<i>1.806.746.822</i>	<i>233.230.001</i>	<i>50.369.413</i>	<i>129.433.195.447</i>
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	707.701.228	2.873.181.358	-	656.583.557	-	4.237.466.143
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	<i>707.701.228</i>	<i>2.873.181.358</i>	-	<i>656.583.557</i>	-	<i>4.237.466.143</i>
Số cuối kỳ	257.256.853.676	1.165.123.101.943	46.121.324.650	20.043.393.849	375.875.026	1.488.920.549.144
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	238.763.437.697	809.645.045.360	7.506.423.015	683.602.888	207.884.385	1.056.806.393.345
Số cuối kỳ	228.707.217.477	703.442.903.302	5.699.676.193	450.372.889	157.514.972	938.457.684.833

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Giá trị lợi thế doanh nghiệp</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	32.195.577.517	9.187.279.718		41.382.857.235
Tăng trong kỳ do mua sắm				
Đầu tư XDCB hoàn thành	-			-
Số cuối kỳ	32.195.577.517	9.187.279.718		41.382.857.235
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	991.495.692	9.125.359.723		10.116.855.415
Tăng trong kỳ do khấu hao	285.532.308	30.960.000		316.492.308
Khấu hao TSCĐ phúc lợi				
Tăng do phân loại lại				
Giảm khác				
Số cuối kỳ	1.277.028.000	9.156.319.723		10.433.347.723
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	31.204.081.825	61.919.995		31.266.001.820
Số cuối kỳ	30.918.549.517	30.959.995		30.949.509.512

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	-
XDCB dở dang	146.513.721.069	73.401.549.867
Dự án GPMB TTCN cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.257.333.204
DA sinh thái tre luồng Thanh Tam	102.194.875.324	35.720.746.278
Dự án khác	13.952.512.541	7.423.470.385
Cộng	146.513.721.069	73.401.549.867

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty con	243.368.989.928	243.368.989.928
Cộng	243.368.989.928	243.368.989.928

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư tại 31/12/2018</u>	
	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty CP ĐTPT L.Sơn - N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu V.Nam - T.Điện	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
Cộng				36.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		15.251.145.800		15.251.145.800
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
+ Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP		2.974.645.800		2.974.645.800
Cộng		15.251.145.800		15.251.145.800

17. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(12.310.559.177)	(6.591.622.365)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(21.643.385.604)	(21.949.925.617)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	(33.953.944.781)	(28.541.547.982)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	33.012.194.454	-	1.153.436.438	31.858.758.016
Chi phí trả trước dài hạn khác	521.105.598	1.563.439.664	615.524.785	1.469.020.477
Cộng	33.533.300.052	1.563.439.664	1.768.961.223	33.327.778.493

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người trồng mía	35.119.600.005	19.301.680.483
Phải trả nhà cung cấp tại VPCT	21.546.236.021	29.141.323.969
Phải trả Nhà cung cấp tại Nhà máy Gạch	1.686.612.874	1.221.027.620
Phải trả Nhà cung cấp tại XNCG	1.989.019.205	2.232.331.123
Cộng	60.341.468.105	51.896.363.195

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	4.566.567.470	2.083.163.968
Cộng	4.566.567.470	2.083.163.968

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.936.396.830	21.269.119.175
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.074.301	-
Thuế TNDN	3.938.036.521	1.556.825.445
Thuế TNCN	1.399.058.133	320.254.702
Thuế tài nguyên	41.951.963	-
Thuế khác	5.170.550	51.596.194
Cộng	<u>13.322.688.298</u>	<u>23.197.795.516</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Còn, điện	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý IV năm 2018/2019:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.254.895.544
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	2.058.863.226
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.065.641.729
- Các khoản điều chỉnh giảm	6.778.503
Thu nhập tính thuế TNDN	23.313.758.770
Thuế TNDN hiện hành	2.797.651.052
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.457.244.492

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	822.390.929	696.459.019
Chi phí thu mua mía	-	28.032.636.014
Chi phí phải trả khác	5.692.099.849	17.345.329.224
Cộng	<u>6.514.490.771</u>	<u>46.074.424.257</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.326.970.184	2.016.036.956
Kinh phí công đoàn	1.993.515.942	1.428.802.632
Hoàn ứng	786.452.837	62.582.795
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	2.234.355.000	2.234.355.000
Các khoản phải trả khác	5.991.090.266	4.605.657.257
Cộng	<u>12.332.384.229</u>	<u>10.347.434.640</u>

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	-	-
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	427.556.878.742	666.132.639.160
Vay dài hạn đến hạn trả	3.833.333.333	3.833.333.333
Cộng	<u>431.390.212.075</u>	<u>669.965.972.493</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay PS trong kỳ/KC</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn NH	666.132.639.160	971.611.215.562	1.210.186.975.980	427.556.878.742
Vay dài hạn đến hạn trả	3.833.333.333	3.833.333.333	3.833.333.333	3.833.333.333
Cộng	<u>669.965.972.493</u>	<u>975.444.548.895</u>	<u>1.214.020.309.313</u>	<u>431.390.212.075</u>

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	31.662.530.092	30.756.716.875
Quỹ phúc lợi	32.742.235	812.793.590
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	-	-
Cộng	<u>31.695.272.327</u>	<u>31.569.510.465</u>

26. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	3.916.641.667	7.749.991.667
Cộng	<u>3.916.641.667</u>	<u>7.749.991.667</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền trả /giảm khác	Số cuối kỳ
Vay Công Đoàn	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Vay Ngân hàng ACB	5.749.991.667	-	3.833.333.333	1.916.641.667
Cộng	7.749.991.667	-	3.833.333.333	3.916.641.667

27. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**28. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi sau thuế chưa phân phối</u>
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	562.164.076.532	-	135.041.105.426
Tăng vốn trong năm			(32.871.691.000)			
Lợi nhuận trong năm						28.576.264.337
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi						(20.674.920.110)
Trích lập các quỹ				10.337.259.843		-
Chia cổ tức năm nay						-69.398.990.000
Các khoản khác	-	-	-	-	-	(2.137.500)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	572.501.336.375	-	73.541.322.153
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	572.501.336.375	-	73.541.322.153
Tăng vốn trong năm				-		-
Lợi nhuận trong kỳ						24.205.902.510
Lợi nhuận năm trước						-
Trích lập các quỹ				2.857.626.434		(5.715.252.868)
Chia cổ tức năm trước						-
Chia cổ tức năm nay						(46.897.058.750)
Các khoản khác						-
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	-	45.134.913.045

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Cộng	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.005.050	3.005.050
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	66.994.950
- Cổ phiếu phổ thông	66.994.950	66.994.950

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

29. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	5.957.826.653
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	6.065.831.503
Tăng khác (điều chỉnh số chi năm trước)	-
Chi sự nghiệp	4.883.363.156
Giảm khác (Nguồn KP được quyết toán và giảm khác)	5.545.514.000
Số cuối kỳ	<u>1.594.781.000</u>

30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	28.020.930.766
Nguồn kinh phí tăng trong kỳ	-
Giảm khác	-
Khấu hao trong kỳ	(2.614.906.116)
Số cuối kỳ	<u>25.406.024.650</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**31. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa nhận giữ hộ	94.048.401.000	294.465.238.095
Cộng	<u>94.048.401.000</u>	<u>294.465.238.095</u>

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV NĂM TÀI CHÍNH 2018/2019:**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<u>Giai đoạn 01/04 đến 30/06</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	529.971.214.634	630.314.397.688
Doanh thu bán hàng hóa	523.320.500	398.049.827
Doanh thu bán thành phẩm	525.215.019.135	621.992.958.547
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	4.232.874.999	7.923.389.314
Các khoản giảm trừ doanh thu	52.292.448	
Doanh thu bán thành phẩm	52.292.448	
Doanh thu thuần	529.918.922.186	630.314.397.688
Doanh thu bán hàng hóa	523.320.500	398.049.827
Doanh thu bán thành phẩm	525.189.236.687	621.992.958.547
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.206.364.999	7.923.389.314

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Giai đoạn 01/04 đến 30/06</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	216.425.000	358.244.844
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	484.731.523.397	584.126.115.889
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.736.831.926	6.687.713.978
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	<u>489.684.780.323</u>	<u>591.172.074.711</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	17.398.569	739.211.530
Lãi tiền cho vay	1.810.334.076	894.359.927
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.023.328	199.203
Lãi chuyển nhượng vốn		
Cộng	1.834.755.973	1.633.770.660

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.669.172.326	11.968.898.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	342.924	51.542.161
Chiết khấu thanh toán		77.833.048
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
DP giảm giá các khoản đầu tư tài chính		1.808.985.693
Chi phí khác		
Cộng	6.669.515.250	13.907.258.932

5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.493.323.780	4.351.933.992
Chi phí vật liệu, bao bì	8.536.951	490.106.060
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	16.076.364	8.968.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	512.810.585	412.645.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.566.350.492	4.460.054.433
Chi phí bằng tiền khác	586.986.378	4.599.741.054
Cộng	9.184.084.550	14.323.448.852

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.072.549.970	4.261.304.837
Chi phí vật liệu quản lý	-	16.833.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.724.986	58.181.271
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.200.842.645	1.216.897.962
Thuế, phí và lệ phí	139.345.886	399.681
Chi phí dự phòng, trợ cấp	138.497.000	-
Chi phí quản lý bằng tiền khác	(1.678.072.013)	5.451.318.716
Cộng	2.962.888.474	11.004.935.467

7. Thu nhập khác

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ bán vật tư, phế liệu		
Các khoản khác	27.016.243	118.100.969
Cộng	27.016.243	118.100.969

8. Chi phí khác

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	2.024.530.261	1.383.504.123
Cộng	2.024.530.261	1.383.504.123

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý IV/2018-2019	18.457.244.492
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	66.994.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	276

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>66.994.950</u>

VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>30/06/2019</u>	<u>01/07/2018</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		30/06/2019	01/07/2018
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	33,15	39,88
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	66,85	60,12
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,81	37,76
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	70,19	62,24
Khả năng thanh toán		30/06/2019	01/07/2018
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,35	2,65
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,23	1,15
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,01
Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 30/06:		Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	2,05	2,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	1,76	2,20
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	2,05	2,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	1,76	2,20
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,33	1,40
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,14	1,16
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1,58	1,87

2. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/04/2019 đến 30/06/2019, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 529.918.922.186 đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 520.316.044.990 đồng chiếm tỷ trọng 98,3 % ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 1,7 %. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng 1,7 % tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ từ 01/04/2019 - 30/06/2019, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2019 đến 30/06/2019
Giao dịch mua hàng		
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	8.326.363.994
Công ty TNHH TMXNK Lam Sơn	Công ty con	4.634.331.769
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	9.840.529.413
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	536.342.800
Giao dịch bán hàng		
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	94.090.600
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	19.786.800.000
Công ty CP mía đường Nông Cống	Công ty con	4.747.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	1.212.740.030
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	90.750.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	13.884.076.171	24.848.312.098
Công ty CP mía đường Nông Cống	Công ty con	9.895.304.398	72.400.581.877
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con		3.979.784.412
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	4.989.175.000	13.406.340.400
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điền	Công ty liên kết		882.000.000
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	102.115.540	-
Phải trả người bán			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	15.543.947.917	-
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	4.188.226.045	965.326.830
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	134.671.218	-
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con		846.020.082
Phải thu cho vay			
		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2018 đến 30/06/2019)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	11.083.066.557	11.474.918.811
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	17.671.743.386	14.909.094.974
Phải thu dài hạn khác			
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	13.350.024.989	13.688.871.389
Phải trả dài hạn khác			
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	858.313.943	858.313.943

4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Lợi nhuận sau thuế Quý IV kết thúc ngày 30/06/2019 (Giai đoạn từ ngày 01/04/2019 đến 30/06/2019) đạt 18.457.244.492 đồng, tăng so với cùng kỳ năm 2017/2018 (Giai đoạn từ 01/04-30/06/2018), là do các nguyên nhân sau:

Mặc dù doanh thu giảm hơn 100 tỷ đồng, nhưng tỷ trọng Giá vốn/Doanh thu Quý IV năm nay thấp hơn năm trước nên Lợi nhuận gộp Quý IV năm nay cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Các khoản chi phí: Chi phí tài chính, Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Người lập biểu

Lê Thị Liên

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2019

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương